

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG ĐỊNH CỦA

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI
CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
CUỐI NĂM HỌC 2021-2022

*(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Tháng 8/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG ĐỊNH CỬA

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ sinh năm 2016	Trẻ sinh năm 2015	Trẻ sinh năm 2014	Trẻ sinh năm 2013	Trẻ sinh năm 2012
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018			Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và gia đình phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập; biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục tổ chức trong và ngoài lớp học thông qua một số hình thức chủ yếu: học lý thuyết, thực hiện bài tập, thực hành, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án học tập, câu lạc bộ, tham quan, cắm trại, đọc sách, sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh được hình thành và phát triển: Những năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; Những năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, tin học, thẩm mỹ, thể chất. Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Học sinh được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân. Học sinh được đảm bảo các điều kiện về sức khỏe và an toàn để học tập và rèn luyện.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh 1, 2, 3, 4 được công nhận hoàn thành chương trình lớp học.				

		100% học sinh 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.
--	--	--

Quận 3, ngày 31 tháng 8 năm 2022



HỘI TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG ĐỊNH CỦA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2665	457	473	543	617	575
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2665	457	473	543	617	575
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	<i>Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2652/2665	98,4	99,4	99,2	98,2	98,3
2	<i>Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2595/2665	0,9	0,2	0,6	1,1	1,7
3	<i>Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	13/2665	0,9	0,4	0,4	0,8	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2652/2665	98,4	99,4	99,2	98,2	98,3
2	<i>Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2595/2665	0,9	0,2	0,6	1,1	1,7
3	<i>Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	13/2665	0,7	0,4	0,4	0,8	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	<i>Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2652/2665	99,3	99,6	99,8	99,3	100
a	<i>Học sinh được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	2665/2665	100	100	100	100	100
b	<i>Học sinh được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	34/2665	0,7	1,5	1,5	1,5	7

2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	10/2665	0,7	0,4	0,2	0,7	0
---	-------------------------------------	---------	-----	-----	-----	-----	---

Quận 3, ngày 31 tháng 8 năm 2022



HỘI TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG ĐỊNH CỬA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	64	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	64	80m ² /40hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	01	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2630.5	2630.5m ² /2665hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1271	1271m ² /2665hs
VI	Tổng diện tích các phòng	2110	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2110	2110m ² /2665hs
2	Diện tích thư viện (m ²)	82	82m ² /2665hs
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	112	112m ² /332hs
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	135	135m ² /418hs
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	26	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	/
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	26	26m ² /1160hs
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	64	

1.1	Khối lớp 1	10	
1.2	Khối lớp 2	11	
1.3	Khối lớp 3	13	
1.4	Khối lớp 4	15	
1.5	Khối lớp 5	15	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	70	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	34	
1	Ti vi	16	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	75
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		256m ² /2665hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 3, ngày 31 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Văn Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG ĐỊNH CỬA

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	98	0	3	70	12	3	10	14	13	58	83	1	1	0
I	Giáo viên	82	0	2	66	11	3	0	14	13	55	80	1	1	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	10	0	2	7	1	0	0	1	2	7	10	0	0	0
3	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
4	Âm nhạc	2	0	0	1	1	0	0	1	0	1	2	0	0	0
5	Mỹ thuật	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
6	Thể dục	5	0	0	4	1	0	0	1	1	3	5	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
III	Nhân viên	14	0	0	3	1	0	10	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	0	0	1							
4	Nhân viên y tế	1	0	0	1	0	0	0							
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0							

6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	0	1	0	0							
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

Quận 3, ngày 31 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lợi